

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 781/TTr-TNMT ngày 06/12/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Một phần lô K, khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nếnh và xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án nhà máy kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam” tại một phần lô K (Thuê nhà xưởng tại lô K của Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: “Dự án nhà máy kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam”.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam.

1.3. Địa điểm hoạt động: Một phần lô K (Thuê nhà xưởng tại lô K của Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 2400972317 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/8/2023, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 15/9/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 8706304037 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 23/8/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 2/10/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400972317.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm từ plastic.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại một phần lô K (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích 33.145,1m<sup>2</sup>

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất các sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất, gia công ván sàn nhựa PET: 9.000.000 m<sup>2</sup>/năm, tương đương 30.600 tấn/năm (102 tấn/ngày).

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) mặt hàng có mã HS: 39181011, 39181019, 39189011, 39189013, 44189900, 44187900, 44187500.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (Mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án nhà máy kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam” tại một phần lô K (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1077/QĐ-TNMT ngày 24/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên, Công ty TNHH kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN<sub>Việt Anh</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

## **Phụ lục 1**

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do: dự án thuê nhà xưởng tại một phần lô K của công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam nên toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án sau khi xử lý qua bể tự hoại sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60m<sup>3</sup>/ngày đêm đã được công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam xây dựng và vận hành để xử lý đảm bảo nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu để tiếp tục xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, sau đó xả ra môi trường (theo Biên bản thỏa thuận 3 bên ngày 05/9/2023 giữa Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam; Công ty TNHH Heng Li New Materials Việt Nam và Công ty TNHH kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC  $\varnothing 90$  thông qua các bồn rửa, bể xí dẫn xuống bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 22 m<sup>3</sup> (01 bể 12m<sup>3</sup>, 01 bể 10m<sup>3</sup>) để xử lý nước sơ bộ nước thải phát sinh. Sau đó nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại sẽ qua đường ống uPVC DN110 và qua đường ống UPVC DN200, dài 352m bơm vào hệ thống xử lý nước thải 60m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng) xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT, sau đó nước thải chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại hố ga đầu nối để thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng): Nước thải sinh hoạt → bể gom → Bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng (nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → Hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quang Châu, huyện Việt Yên.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học
- Công suất thiết kế: 60m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Metanol: 15 kg/năm; Hóa chất khử trùng nước thải: 5 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải: Do Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam thực hiện.

1.4.2. Biện pháp công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Do Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam thực hiện.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60m<sup>3</sup>/ngày đêm do Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam xây dựng và vận hành, do vậy Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam có trách nhiệm vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường số 1115/GPMT-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang Cấp phép cho Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam bảo đảm đáp ứng Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** 06 nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ khu vực đùn ép tại nhà xưởng số 2.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ khu vực sơn, in số 1 tại nhà xưởng số 5.
- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh từ khu vực sơn, in số 2 tại nhà xưởng số 5.
- Nguồn số 4: Bụi phát sinh từ khu vực phủ bụi, chà trước khi lăn sơn tại nhà xưởng số 5.
- Nguồn số 5: Bụi phát sinh từ khu vực nghiền số 1 tại nhà xưởng số 3.
- Nguồn số 6: Bụi phát sinh từ khu vực nghiền số 2 tại nhà xưởng số 3.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:** 6 dòng khí thải tại 6 ống thoát khí thải sau 6 hệ thống xử lý khí thải.

**2.1. Vị trí xả khí thải:** Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $107^0$ , múi chiều  $3^0$ :

<b>Dòng thải</b>	<b>vị trí xả khí thải</b>	<b>Toạ độ vị trí xả khí thải (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục <math>107^0</math>, múi chiều <math>3^0</math>)</b>
Dòng khí thải số 1	01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực đùn ép tại nhà xưởng số 2	X= 2348688, Y= 408244
Dòng khí thải số 2	01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực sơn, in số 1 tại nhà xưởng số 5	X= 2348836, Y= 408081
Dòng khí thải số 3	01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực sơn, in số 2 tại nhà xưởng số 5	X= 2348797 Y= 408060
Dòng khí thải số 4	01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực	X= 2348752 Y= 408035

	phủ bụi, chà trước khi lăn sơn tại nhà xưởng số 5	
Dòng khí thải số 5	01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực nghiền số 1 tại nhà xưởng số 3	X= 2348768 Y= 408281
Dòng khí thải số 6	01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực nghiền số 2 tại nhà xưởng số 3	X= 2349802 Y= 408218

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 174.000 m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 4.176.000 m<sup>3</sup>/ngày (**tính theo 24 giờ**).

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 48.000 m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 1.152.000m<sup>3</sup>/ngày.

- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 30.000 m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 720.000m<sup>3</sup>/ngày.

- Dòng khí thải số 3: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 30.000 m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 720.000m<sup>3</sup>/ngày.

- Dòng khí thải số 4: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 22.000 m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 528.000m<sup>3</sup>/ngày.

- Dòng khí thải số 5: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 22.000 m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 528.000m<sup>3</sup>/ngày.

- Dòng khí thải số 6: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 22.000 m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 528.000m<sup>3</sup>/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục 24/24giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

**\* Đối với Dòng khí thải số 1**

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)	QCVN 20:2009/BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	-	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải theo
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	-	
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000	-	

4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850	-	khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ
---	--	--------------------	-----	---	--

\* Đối với dòng khí thải số 2,3

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)	QCVN 20:2009/BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	-	1 năm/lần
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	-	
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000	-	
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850	-	
5	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	750	6 tháng/lần
6	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>		5	
7	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>		870	

\* Đối với dòng khí thải số 4,5,6

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT (cột B))	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

*\* Công trình thu gom bụi từ khu vực nghiền và phễu bụi, chà trước khi lăn sơn:*

Bụi phát sinh từ khu vực nghiền và phễu bụi, chà trước khi lăn sơn được thu gom qua hệ thống chụp, tại vị trí phát thải bố trí các quạt hút nhỏ bụi sau đó đi qua đường ống nhánh D100 và đến hệ thống lọc bụi túi vải. Mỗi hệ thống gồm 01 thiết bị chụp, 01 ống thoát khí, 01 hệ thống túi vải lọc bụi và 01 quạt hút.

*\* Công trình thu gom khí thải từ khu vực sơn, in và đùn ép*

Khí thải phát sinh từ khu vực sơn, in và đùn ép qua các hệ thống chụp hút khí thải sau đó đi qua đường ống nhánh, ống dẫn D200 và đi đến hệ thống hấp phụ khí thải bằng than hoạt tính.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực nghiền và phễu bụi, chà trước khi lăn sơn: Bụi → ống thu D100 → hệ lọc bụi túi vải → ống thoát khí (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực sơn, in và đùn ép: Khí thải → chụp hút → ống thu gom D200 → tháp hấp phụ than hoạt tính → quạt hút → ống thoát khí (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải:

+ Hệ thống xử lý bụi từ khu vực nghiền và phễu bụi, chà trước khi lăn sơn : 22.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực đùn ép: 48.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực sơn, in: 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải từ khu vực đùn ép và sơn, in: Than hoạt tính: 4.500 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Dự án bố trí nhân lực để giám sát hoạt động của hệ thống nhằm kịp thời phát hiện những tiềm ẩn nguy cơ phát sinh sự cố. Công nhân vận hành hệ thống thường xuyên được đào tạo để nâng cao kiến thức và kỹ năng trong quá trình giám sát và vận hành hệ thống.

- Tự động hóa hoạt động của hệ thống xử lý khí thải nhằm hạn chế nguy cơ xảy

ra sự cố. Có báo cáo theo dõi hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống.

- Có kế hoạch xử lý và khắc phục khi xảy ra sự cố về hệ thống xử lý khí thải; luôn đảm bảo số lượng vật tư thay thế dự phòng.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các đường ống thu gom, các thiết bị xử lý, kịp thời sửa chữa và thay thế khi phát hiện các dấu hiệu hỏng hóc với tần suất 6 tháng/lần.

### 1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố môi trường

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, chủ dự án thực hiện báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

- Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

### 1.3.2. Biện pháp ứng phó:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/4/2025 đến ngày 30/4/2025

### 2.2 Công trình thiết bị vận hành thử nghiệm

Chủ dự án sẽ vận hành 06 hệ thống xử lý khí thải gồm: 01 hệ thống xử lý khí thải khu vực đun ép; 02 hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn, in; 02 hệ thống xử lý bụi khu vực nghiền; 01 hệ thống xử lý bụi từ khu vực phôi bụi, chà trước khi lăn sơn.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu: 6 vị trí tại ống thoát khí sau khi xử lý qua 6 hệ thống xử lý khí thải

2.2.2 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại 01 ống thoát khí sau hệ thống	<b>Bụi tổng, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, 1,3 -</b>	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy 01 mẫu đơn đầu ra tần suất	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; QCVN

<b>TT</b>	<b>Vị trí giám sát</b>	<b>Thông số giám sát</b>	<b>Tần suất lấy mẫu</b>	<b>Quy chuẩn so sánh</b>
	xử lý khí thải khu vực đùn ép	<b>Butadien</b>	01 ngày/lần, trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau:	20:2009/BTNMT
2	02 vị trí tại 02 ống thoát khí sau 02 hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn, in	Bụi tổng, CO, NO <sub>x</sub> , SO <sub>2</sub> , toluen, benzen, xylen	- Lần 1: Ngày 9/1/2024 - Lần 2: Ngày 10/1/2024 - Lần 3: - Ngày 11/1/2024	
3	03 vị trí tại 03 ống thoát khí sau 03 hệ thống xử lý khí thải khu vực nghiền và phôi bụi, chà trước khi lăn sơn	Bụi tổng		QCVN 19:2009/BTNMT, cột B

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** 4 nguồn phát sinh tiếng ồn độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất của dự án.

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại nhà xưởng số 01;

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại nhà xưởng số 02;

+ Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại nhà xưởng số 03;

+ Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại nhà xưởng số 05;

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

STT	Vị trí phát sinh	Toạ độ vị trí phát sinh (Theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^0$ , múi chiếu $3^0$ )
1	Tại nhà xưởng số 01	X= 2348803, Y= 408114
2	Tại nhà xưởng số 02	X= 2348655, Y= 408251
3	Tại nhà xưởng số 03	X= 2348773, Y= 408192
4	Tại nhà xưởng số 5	X= 2348747, Y= 408098

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn hiện hành (QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc), cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	<i>Khu vực thông thường</i>

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, m/s <sup>2</sup>		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	1,4	1,4	-	<i>Khu vực thông thường</i>

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Xây dựng bệ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt, lắp các bộ tắt chấn động lực dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung,...

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ,...

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao.

- Đối với người lao động tại khu vực có độ ồn cao phải được trang bị các thiết bị giảm âm chống tiếng ồn nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải.

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Sử dụng các loại máy móc hiện đại ít gây ra tiếng ồn lớn.

- Lắp đặt hệ thống giảm thanh cho các máy móc, thiết bị gây tiếng ồn.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng chung loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: khoảng 36.525kg/năm, gồm:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Tải lượng lô K(kg/năm)</b>
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	16 01 06	300
2	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	4.500
3	Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, vật liệu lọc (túi lọc bụi hỏng)	Rắn	18 02 01	4.500
4	Than hoạt tính thải bỏ từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	4500
5	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	225
6	Vỏ thùng sơn, keo bằng kim loại	Rắn	18 01 02	22.500
<b>Tổng</b>				<b>36.525</b>

1.2. Khối lượng, chung loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng 1.981,5kg/năm gồm:

<b>STT</b>	<b>Thành phần</b>	<b>Trạng thái</b>	<b>Khối lượng (tấn/năm)</b>
5	Ba via, đầu mẫu nhựa từ quá trình cắt tấm	Rắn	1.974
6	Bao bì, dây buộc, bì carton	Rắn	7,5
<b>Tổng</b>			<b>1.981,5</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 250kg/ngày, rác thải sinh hoạt chủ yếu như túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy ăn, bã chè...phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng và nhà ăn.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn nguy hại

### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trong các kho chứa CTNH riêng biệt. Các chất thải được lưu trong thùng chứa riêng có nắp đậy, ngoài thùng chứa có dán mã chất thải, dấu hiệu cảnh báo tương ứng với mỗi loại CTNH phát sinh. Bố trí 5 thùng chứa bằng nhựa dung tích 120 lít/thùng để lưu chứa các loại chất thải nguy hại.

### 2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích kho: 40 m<sup>2</sup>

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch lửng, bên trên quay tôn, mái lợp tôn, nền đổ bê tông có cửa và có biển báo.

Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định (tần suất 1 tuần/lần, có thể thay đổi tùy vào tình hình sản xuất).

## 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sản xuất

### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 3-4 thùng dung tích 100 lít/thùng đặt tại các nhà xưởng sản xuất lưu để lưu chứa tạm thời

### 2.2.2. Kho chứa chất thải sản xuất:

+ Diện tích kho: 40 m<sup>2</sup>

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch lửng, bên trên quay tôn, mái lợp tôn, nền đổ bê tông có cửa và có biển báo.

Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định (tần suất 1 tuần/lần, có thể thay đổi tùy vào tình hình sản xuất).

## 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng chứa rác có dung tích 20 lít/thùng đặt tại các khu vực nhà vệ sinh, khu vệ sinh, nhà xưởng sản xuất để lưu chứa tạm thời chất thải sinh hoạt.

### 2.3.2. Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho: 40 m<sup>2</sup>

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch lửng, bên trên quay tôn, mái lợp tôn, nền đổ bê tông có cửa và có biển báo.

Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định (tần suất 1-2 ngày/lần có thể thay đổi tùy vào số lượng cán bộ công nhân tại mỗi thời điểm).

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ

thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động sản xuất khi xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

### **Phụ lục 5**

## **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

### **Công ty TNHH kỹ thuật vật liệu Xino Việt Nam có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 781/TTr-TNMT ngày 06/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.